

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN SƠN TRÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2008/QĐ-UBND

Sơn Trà, ngày 03 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá vùng biển quận Sơn Trà - thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 143/2005/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng “Ban hành đề án xây dựng nếp sống văn hoá - văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2010”;

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/QU ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Quận uỷ Sơn Trà về “Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá vùng biển quận Sơn Trà đến năm 2010 và những năm tiếp theo”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hoá - Thể thao quận Sơn Trà,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá vùng biển quận Sơn Trà - thành phố Đà Nẵng”.

Điều 2. Phòng Văn hoá - Thể thao quận là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân quận về việc thực hiện Đề án nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Văn hoá - Thể thao quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, thủ trưởng các phòng, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Công Hồ

ĐỀ ÁN

**Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá vùng biển
quận Sơn Trà - thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND
Ngày 03 tháng 3 năm 2008 của UBND quận Sơn Trà)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Sơn Trà lần thứ III (nhiệm kỳ 2006 - 2010) và Nghị quyết số 06-NQ/QU ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Quận uỷ Sơn Trà về “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá vùng biển quận Sơn Trà đến năm 2010 và những năm tiếp theo”. Đề văn hoá trở thành động lực và mục tiêu cho toàn bộ sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quận Sơn Trà, góp phần thực hiện Đề án “Xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh đô thị” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà xây dựng Đề án “**Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá vùng biển quận Sơn Trà**” với các nội dung cụ thể sau:

PHẦN MỞ ĐẦU

“**Bảo tồn và phát huy những giá trị Văn hoá vùng biển quận Sơn Trà**” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và có ý nghĩa quan trọng để thực hiện tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về “Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, xác định văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển, là nhân tố đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Ngày nay, việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại cùng những tiến bộ về khoa học và công nghệ sẽ làm thay đổi mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội.

Trong quá trình hình thành và phát triển, với lợi thế của một quận có vị trí quan trọng về kinh tế biển, kinh tế du lịch, quốc phòng và an ninh, là cửa ngõ ra biển Đông của thành phố, trong những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương và thành phố, kết cấu hạ tầng trên địa bàn quận được tập trung xây dựng; hệ thống giao thông phát triển như đường Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Sơn Trà - Điện Ngọc... trở thành tuyến giao thông huyết mạch đặc biệt quan trọng của hành lang kinh tế Đông Tây, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế biển của quận và thành phố. Với nguồn tài nguyên biển dồi dào, cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, biển Sơn Trà là một trong những bãi biển của thành phố Đà Nẵng được bình chọn là một trong 6 bãi biển quyến rũ nhất hành tinh. Sơn Trà như một lát cắt điển hình để chúng ta có thể nhận diện nhiều loại hình văn hoá hay một cấu trúc văn hoá Việt Nam có tính hoàn chỉnh: văn hoá núi rừng, văn hoá ruộng đồng, văn hoá biển... Với đặc điểm vươn ra đại dương, Sơn Trà là cánh cửa tiếp nhận sự giao lưu văn hoá đa dạng, phong phú, thực sự có cộ xát, va đập từ nhiều nền

văn hoá Đông và Tây, văn hoá sa đảo. Từ đặc điểm nêu trên, cho nên văn hoá Sơn Trà tiếp nhận có gạn lọc các giá trị tinh hoa của văn hoá bên ngoài với những yếu tố ngoại sinh và những yếu tố nội sinh. Những yếu tố này đã tạo nên nét đặc thù riêng của văn hoá Sơn Trà trong đối sánh với các nơi khác, đó cũng chính là tiềm lực để phát triển mạnh về kinh tế biển và kinh tế du lịch đa dạng, phong phú, tạo sức hấp dẫn thu hút ngày càng nhiều du khách trong và ngoài nước đến hợp tác đầu tư, du lịch, nghỉ ngơi.

Đó cũng chính là những yếu tố cơ bản để xây dựng và phát triển văn hoá vùng biển Sơn Trà mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần thứ III (nhiệm kỳ 2006 - 2010) đã đề ra, nhất là chuyển biến dần nhận thức của người dân Sơn Trà, để văn hoá vùng biển hoà quyện với nếp sống văn hoá, văn minh đô thị, đây cũng là một trong những nội dung quan trọng thực hiện chương trình “3 có” của thành phố Đà Nẵng.

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Quận Sơn Trà nằm về phía Đông của thành phố Đà Nẵng, trải dài theo hạ lưu hữu ngạn sông Hàn, có toạ độ địa lý từ 16°04'51" đến 16°09'13" vĩ độ Bắc, và từ 108°15'34" đến 108°18'42" kinh độ Đông. Phía Bắc và phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp Vũng Thùng (Vịnh Đà Nẵng) và sông Hàn, phía Nam giáp quận Ngũ Hành Sơn. Sơn Trà có diện tích tự nhiên 60,7794 km², dân số toàn quận 118.954 người, mật độ dân số 1.929 người/km². Quận Sơn Trà có 07 phường: An Hải Đông, An Hải Tây, An Hải Bắc, Phước Mỹ, Mân Thái, Nại Hiên Đông và Thọ Quang.

Sơn Trà có 3 mặt giáp biển và sông, có vị trí quan trọng về kinh tế, có Cảng Tiên Sa - cửa khẩu quan hệ kinh tế quốc tế không chỉ của thành phố Đà Nẵng mà của cả khu vực Đông Nam Á; có bờ biển đẹp và có rừng Sơn Trà là khu bảo tồn thiên nhiên đa dạng. Với các yếu tố đó, Sơn Trà có vị trí khá thuận lợi cho việc giao lưu phát triển kinh tế, nhất là kinh tế du lịch, kinh tế biển.

Quận Sơn Trà là một trong 8 quận, huyện của thành phố Đà Nẵng được hình thành từ khá sớm cùng với quá trình mở nước về phía Nam của các vương triều thời Hậu Trần, Hậu Lê và các triều tiếp theo, dần dần hình thành các địa danh như: An Hải, Tân Thái, Mỹ Khê, An Tân, Nam Thọ, Mân Quang, An Hoà, Phước Trường, Phước Mỹ, Mân Thái... và còn mang tên gọi cho đến hôm nay. Cùng với việc hình thành các làng xã, các thế hệ tiền hiền, hậu hiền đã có công khai canh khai cư, mở rộng địa vực, quần cư lập nghiệp qua bao thế hệ và đã để lại trên mảnh đất Sơn Trà những di sản văn hoá đặc sắc, mang đậm dấu ấn văn hoá miền sông biển.

Quận Sơn Trà còn là nơi ghi lại dấu ấn của nhiều huyền thoại, truyền thuyết như Tiên Sa, bãi Bụt..., là địa danh gắn với những nhân vật lịch sử như Nguyễn Văn Thoại (Thoại Ngọc Hầu), Lê Thanh Quảng, Lê Văn Thứ..., là nơi gắn liền với những chiến công hiển hách trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, với các địa danh như Khu Đông, Sông Đà, đồn An Hải, Nại Hiên, làng Mỹ Khê, Phước Trường ... và tên tuổi của các anh hùng liệt sĩ như: Lê Độ, Đặng Lữ, Lê Văn Quý, Đinh Thị Hoà, Lý Văn Tố, Đặng Thị Trợ ...

Chính từ những truyền thống lịch sử hào hùng đó, đặc biệt với những đóng góp to lớn của quân và dân quận Sơn Trà trong cuộc kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân quận Sơn Trà, Đảng bộ và nhân dân các phường: An Hải Tây, Thọ Quang và Phước Mỹ vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Nhân dân Sơn Trà vốn có truyền thống giàu lòng yêu nước, với đức tính cần cù nhẫn nại, chất phác, giản dị, gắn bó với quê hương, hăng hái, năng động, sáng tạo trong sản xuất. Các hoạt động văn hoá xã hội trong những năm qua, nhất là từ khi quận Sơn Trà được thành lập, đã có những chuyển biến tích cực. Đời sống văn hoá, tinh thần của người dân từng bước được nâng lên, công tác xã hội hoá hoạt động văn hoá ngày càng đạt nhiều kết quả. Các chính sách xã hội được tập trung thực hiện, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm lo đến các đối tượng chính sách, gia đình có công cách mạng... luôn được quan tâm. Đến nay, quận đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở và 5/7 phường phổ cập giáo dục bậc trung học; ngành Y tế đã thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng; 7/7 trạm y tế phường đạt chuẩn quốc gia; các hoạt động truyền thông dân số được triển khai sâu rộng; vấn đề xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm được chú trọng.

Kết quả điều tra năm 2006 cho thấy mức sống dân cư trên địa bàn quận tương đối khá: 99,53% số hộ ở nhà xây; 100% số hộ được dùng điện; hơn 80% số hộ được sử dụng nước máy; hơn 90% số hộ có xe máy; hơn 95% số hộ có máy thu hình; nhiều vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi. Từ 2002 - 2006, tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm đạt 9,49%, GDP bình quân đầu người đạt 722USD; các khu vui chơi cho trẻ em tại các phường được hình thành; cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" gắn với chương trình "5 không" của thành phố ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực; các phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức sâu rộng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia; công tác bảo tồn bảo tàng, quản lý văn hoá trên địa bàn quận luôn được duy trì, góp phần định hướng nếp sống văn hoá, văn minh đô thị, tạo môi trường văn hoá lành mạnh.

Những kết quả trên đã khẳng định - văn hoá đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời xây dựng những chuẩn mực văn hoá trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

PHẦN II

MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU:

1. Xây dựng văn hoá thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội theo Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), làm cho văn hoá thấm sâu vào từng người, từng gia đình, từng khu dân cư, nhằm khơi dậy tình cảm yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào, tự tôn về những giá trị văn hoá lịch sử truyền thống của địa phương.

2. Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách người dân Sơn Trà, đáp ứng yêu cầu của xã hội và con người Việt Nam trong điều kiện đầy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các giá trị văn hoá, nghệ thuật, thuần phong mỹ tục trong cộng đồng dân cư; khôi phục và phát triển văn hoá làng nghề biển gắn với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch.

4. Đáp ứng nhu cầu hưởng thụ các giá trị văn hoá tinh thần của người dân Sơn Trà, xoá đi những mặc cảm, tự ti từ nhiều đời nay của người dân vùng ven đô.

II. NỘI DUNG:

Để thực hiện đạt kết quả những mục tiêu đề ra, đề án tập trung chủ yếu vào những nội dung sau :

1. Tiến hành điều tra, khảo sát, sưu tầm và đánh giá một cách toàn diện các giá trị di sản văn hoá vật thể, phi vật thể và văn hoá làng nghề biển tại các phường trên địa bàn quận.

2. Xây dựng các giải pháp cơ bản để bảo tồn, tôn tạo và phát huy những giá trị di sản văn hoá trong điều kiện hiện nay trên địa bàn quận, chú trọng việc khôi phục và phát triển văn hoá làng nghề và xây dựng nếp sống văn hoá văn minh đô thị mang đặc trưng văn hoá vùng biển Sơn Trà.

PHẦN III

NHỮNG GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG

I. NHỮNG GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ VẬT THỂ:

1. Hệ thống các đình làng trên địa bàn quận :

Đình làng An Hải, phường An Hải Tây: Được xây dựng vào năm 1470, mái tranh vách ván xuyên trính đóng khung, ghép trên hai hàng cột chạm khắc, ba gian hai chái, sàn cao cách mặt đất 0,7m nhằm mục đích phòng chống bão lụt. Năm 1802, triều Gia Long thống nhất đất nước Thống chế Thoại Ngọc Hầu cho xây dựng lại ngôi đình tường xây, mái lợp, đến thời vua Tự Đức thứ 30 (1877) được trùng tu lần thứ nhất và cách đây hơn 40 năm (vào năm Giáp Thìn) sửa chữa lần thứ hai.

Đình làng An Hải gắn liền với lịch sử đấu tranh của nhân dân Khu Đông - Sông Đà. Tại đây, phong trào Cần vương, nghĩa quân của nghĩa hội Quảng Nam do Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo, đã nhiều lần tấn công làm cho quân giặc khiếp vía. Để nhớ công ơn những nghĩa binh đã hy sinh người dân địa phương thờ phụng tại đình. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Nhật vào năm 1942 nơi đây đã nhóm lên phong trào yêu nước “Truyền bá quốc ngữ” và thành lập tổ chức “Hội thanh niên cứu quốc” sau đó đổi thành “Hội tự vệ cứu quốc” rồi “Đội tự vệ cứu quốc”. Trong kháng chiến chống Mỹ, đây là nơi tập trung lực lượng cách mạng tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu

Thân 1968 và chiến dịch mùa xuân lịch sử 1975. Tháng 9/1992, Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng công nhận “di tích lịch sử”.

Đình làng Nam Thọ phường Thọ Quang: Xây dựng cách đây trên 400 năm, cùng với việc thành lập xã hiệu Nam An nay là Thọ An, phường Thọ Quang. Các bậc tiền bối cũng đã dựng lên ngôi đình làng (ngày 12/6 năm Canh Ngọ 1690), là nơi tôn nghiêm thờ phụng chư vị tiền bối và hậu bối của nhiều chư phái tộc để tưởng niệm tiền nhân công đức. Ngôi đình được làm bằng tranh bốn mái, gỗ cột thắt bằng dây mây; năm 1714 ngôi đình dựng lại tại Trảng Giãi cây me; đến năm 1720 ngôi đình chuyển sang Vũng Cháp, xứ Nam Thọ. Năm 1937 nhân dân góp công, góp của để sửa chữa xây dựng lại phần hậu tẩm, nâng cao lợp ngói, tường làm bằng đá vôi; năm 1966 xây thêm phần tiền đình.

Đình làng Nam Thọ xây dựng theo kiến trúc tôn giáo, có 3 gian 2 chái, chính diện có hai cột làm bằng gỗ mít, trên hai bàn thờ bên tả, bên hữu có hai bài vị đề hai chữ “Long phi” bên tả, “Phụng võ” bên hữu, trong đình thờ Thần Hoàng, hai vị tiền hiền Trương Công Bặc và Nguyễn Hữu Chờ, đình có 35 sắc phong của các triều vua; có sân rộng, có tường rào bao bọc, trước có bức bình phong, có cổng lớn và hai cổng nhỏ, trong khuôn viên của đình có hai ngôi mộ tiền hiền. Ngày 12 tháng 6 âm lịch hàng năm được chọn là ngày lập làng, cũng là ngày cầu cho quốc thái dân an. Ngày 02 tháng 8 âm lịch hàng năm là ngày giỗ tiền hiền. Năm 2000 đình làng Nam Thọ được UBND thành phố công nhận “di tích lịch sử văn hoá” và “di tích kiến trúc nghệ thuật”.

Đình làng Mân Quang, phường Thọ Quang: Năm 1471 thực hiện chính sách phát triển kinh tế, ổn định chính trị, mở mang bờ cõi, mở mang dân trí, lục tộc (Lê, Trần, Võ, Thái, Nguyễn, Đinh) di dân vào Nam lập nghiệp đã dừng chân tại phía Nam núi Sơn Trà cùng nhau khai canh, khai cư và lập thành làng Vĩnh Yên, xứ Nam Loan. Cùng với việc lập làng, đình làng Mân Quang được xây dựng từ đó, mới đầu bằng tranh tre và về sau trải qua các đợt trùng tu đã xây dựng bề thế nhưng vẫn giữ được nét cổ kính. Ngày 16 tháng 3 âm lịch hàng năm là ngày hội của làng. Đình có diện tích 120m², mái lợp ngói âm dương, tường xây bằng gạch, trên mái đình trang trí hình ảnh “Lưỡng Long châu nguyệt” hai đầu mái đắp hình rồng uốn lượn, được ghép bằng sành sứ. Bên trong đình chia làm 3 gian, 2 chái thờ thần Hoàng bốn xứ, các vị tiền nhân của làng, trong đó có vong linh những nghĩa quân, những liệt sĩ đã hy sinh, qua các cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Ngày 13/4/1999 đình làng Mân Quang được Sở Văn hoá Thông tin thành phố đăng ký bảo vệ là “di tích lịch sử - văn hoá nghệ thuật”.

Đình làng Cổ Mân, phường Mân Thái: Có nguồn gốc lịch sử của dân tộc người Việt trước đây ở phương Bắc, theo các triều đại vua chúa cho dân di dời về phương Nam lập ấp, phát triển, xây dựng nhà cửa, tìm những nơi có mảnh đất thích nghi dừng chân và định cư tại đó. Vào thế kỷ XVII, các họ tộc đồng lòng cùng xây dựng nên ngôi đình bằng phen tre mái lá để có nơi thờ tự những vị thần linh cầu mong trời đất cho mưa thuận gió hòa, cho dân làng bình yên. Ngôi đình là nơi các họ tộc tham gia sinh hoạt, xây dựng hương ước, mọi công việc trong làng được bàn luận và xem xét tại đây. Ngôi đình làng lúc sơ khai bị hư hỏng, các họ tộc cùng nhau góp công, góp sức xây dựng, trùng tu lại bằng vật liệu kiên cố : gạch, đá, ngói, vôi, cát, sạn, mật đường. Vào

đầu thế kỷ XVIII, đình làng được xây dựng theo trường phái Phương Đông (long, lân, quy, phụng). Bên cạnh đó, xây dựng thêm ngôi âm linh để thờ vong linh của những chiến sĩ vô danh. Hằng năm, vào ngày 25 tháng Chạp Âm lịch, dân làng tập trung tu bổ phân mộ, thắp hương tưởng niệm, tổ chức nghi lễ đón Tết Nguyên đán. Đình làng Cổ Mân là địa điểm thuận lợi để cán bộ cách mạng hội họp, triển khai xây dựng cơ sở cách mạng vào thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Năm 1996 ngôi đình bị hư hỏng nặng, bà con nhân dân và ban phụng sự đình làng đã quyên góp tài chính, vật liệu, cùng nhau xây dựng lại đình Cổ Mân rộng rãi, chắc chắn, đẹp đẽ và khang trang hơn nhưng vẫn giữ được nét cổ kính. Đình làng Cổ Mân đã có bề dày lịch sử hơn 300 năm với nhiều lần tôn tạo, tái chế. Năm 2000, thực hiện chủ trương của thành phố trong việc di dời, giải toả, đình làng đã được xây dựng lại cùng với lăng thờ chiến sĩ và nhà thờ tộc Phan liền kề nhìn về phía Tây cách 200m về phía Nam theo hướng đình làng cũ, nằm trong khuôn viên khu văn hóa Mân Lập Tây. Ngày 05/8/2006, công trình Đình làng Cổ Mân được khánh thành đưa vào sử dụng theo nguyên bản cổ truyền, được kết cấu công phu, khang trang mới mẻ và đẹp đẽ hơn so với trước, hài hòa với quang cảnh đô thị mới.

Đình làng Tân Thái, Mân Thái: Được xây dựng từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765) , đến thời Gia Long (1802 - 1819) được xây lại bề thế, đến nay đình đã được trùng tu 7 lần. Hằng năm vào ngày mùng 1 tháng chạp là ngày Tảo mộ Tiên nhân, ngày 20 tháng 6 âm lịch dân làng tổ chức lễ cầu an. Năm 1990, đình Tân Thái được Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ra quyết định công nhận là di tích lịch sử văn hoá với nội dung: “Nơi đây vào lúc 0h30 phút ngày 5/4/1954 nhân dân phường Tân Thái phối hợp cùng với đội biệt động Khu Đông Đà Nẵng, đại đội 14 thuộc trung đoàn 93 tỉnh Quảng Đà, đại đội đặc công số 11 và đại đội 64 của huyện Điện Bàn đã tấn công và tiêu diệt gọn đồn Tân Thái, hơn 100 tên địch đã thiệt mạng. Trận đánh này đánh dấu bước ngoặt trong phong trào chiến tranh du kích từ cầm cự chuyển sang phản công ngay trong lòng địch, góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân Đà Nẵng trong năm 1954”.

Đình làng Nại Hiền Đông: Cách đây trên 500 năm những đoàn thuyền chiến vua quân nhà Lê (đời vua Lê Thánh Tông nhà hậu Lê, niên hiệu Hồng Đức năm thứ 2 năm 1471) dùng chân dọc theo hai bờ sông Hàn để khai rừng, phá núi, lấp sông làm nhà để định cư lập làng và dựng đình làng làm nơi thờ phụng, cúng tế chư vị tiên hiền, liệt tổ liệt tông. Ngôi đình cũng là nơi sinh hoạt văn hoá của làng, là nơi con cháu tụ họp trong những ngày tế lễ, hội hè. Phong tục cúng tế là cúng heo sống (đã giết mổ nhưng chưa nấu chín) kèm theo lông và huyết gọi là “Uế mao huyết”. Trên mái hiên đình là nơi làm tổ của loài chim Nhạn (hiên đình Nhạn trạch), nên đình làng Nại Hiền Đông còn có tên gọi “Xứ chim Nhạn”. Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, Đà Nẵng là nơi quân Pháp tấn công đầu tiên, đình Nại Hiền Đông là nơi hứng chịu nặng nề nhất của cuộc chiến tranh. Năm 1945 - 1954, đình làng là nơi hội tụ của lực lượng vũ trang Khu Đông Đà Nẵng, nơi giữ hòm thư mật để chuyển tài liệu cách mạng ra các tàu thủy đậu ở vịnh Đà Nẵng, chính vì vậy mà năm 1947 giặc Pháp đốt cháy, phá nát toàn bộ ngôi đình. Năm 1950 ngôi đình được xây dựng lại tranh tre mây lá, năm 1957 đình được xây dựng kiên cố bằng gạch ngói, xi măng, năm 1994 đình lại được trùng tu. Ngày 18/3/2002 Ủy

ban nhân dân thành phố đăng ký Đình làng Nại Hiên Đông là “di tích kiến trúc nghệ thuật và lịch sử Cách mạng”.

Đình làng Mỹ Khê, phường Phước Mỹ: Xây dựng cách đây 430 năm, qua 16 lần trùng tu có sự đóng góp tiền của, công sức của nhân dân trong làng, nên đình làng được xây dựng khá hoàn chỉnh, với vật liệu bền vững, tường xây bằng gạch, mái lợp ngói âm dương có lối kiến trúc độc đáo, mang nhiều vẻ đẹp về văn hoá và nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Với công tam quan uy nghi, sân đình rộng thoáng và những đường nét chạm trổ tái tạo lại những hình ảnh sinh hoạt của dân làng trước đây đã tạo nên một đình làng trang nghiêm mà gần gũi, hiếm có đình làng nào có được. Ngày 24 tháng Giêng âm lịch hàng năm đình làng tổ chức lễ Xuân Thu thành kính tưởng niệm công đức của các bậc tiền nhân, anh hùng liệt sĩ đã có công lập làng. Ngày 22/8/1945 nhân dân xã Mỹ Khê, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh đã nổi dậy cướp chính quyền, tổ chức mít tinh, thành lập chính quyền cách mạng. Trong đình hiện còn lưu giữ 16 sắc phong. Ngày 03/4/1992, Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng công nhận đình làng là “di tích lịch sử cách mạng”.

2. Các di tích lịch sử cách mạng tiêu biểu:

Hang Bà Đính, phường Thọ Quang: Giữ vị trí chiến lược rất quan trọng, từ đây ta có thể dùng ống nhòm quan sát được các đồn Pháp đóng, cũng từ đây ta có thể qua khu Tây đến vùng Liên Chiểu hoặc theo đường biển đến Ngũ Hành Sơn, Điện Bàn... Chính vì vậy, từ năm 1947 - 1954 nơi đây Ban lãnh đạo kháng chiến Khu Đông Đà Nẵng đã chỉ huy nhiều trận đánh Pháp. Tháng 3/1947 bắt 8 thuyền chở 35.000 lít xăng và thực phẩm của Pháp vào Đà Nẵng đang đậu trên sông Hàn. Cuối năm 1947, tiểu đội do đồng chí Đặng Văn Miên chỉ huy cùng dân quân tự vệ Mân Quang tổ chức đánh đồn Am Bà trong suốt một ngày làm cho lính Pháp không dám đi tuần trên mảnh đất này và còn nhiều trận đánh khác. Sự kiện đáng nhớ nhất là tại Hang Bà Đính vào đêm 30 tết năm 1948, lúc này các cán bộ chiến sĩ của ta đang ngủ, do bị chỉ điểm nên bị địch tấn công bất ngờ làm cán bộ chiến sĩ của ta không kịp trở tay, 04 đồng chí: Đắc, Ruộng, Giáp, Nhiên hy sinh, 07 đồng chí khác bị thương. Hang Bà Đính là “di tích lịch sử” được Sở Văn hoá thông tin tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đăng ký theo Quyết định số 08/VHTT ngày 12/01/1995.

Địa điểm tiêu diệt Chi cảnh sát Đông Giang (phường An Hải Đông, trong khuôn viên bệnh viện 199 Bộ Công an): Chi cảnh sát nằm trên đường Nguyễn Công Trứ về phía Nam cách ngã năm Nguyễn Công Trứ - Ngô Quyền 120m, đối diện với Chi cảnh sát là trại lính. Thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Mặt trận 4 Quảng Đà để phối hợp chiến dịch hệ X1 tại căn cứ Đa Mạn, Quận đội trưởng quận III Nguyễn Xuyên giao nhiệm vụ cho Đội biệt động quận do đồng chí Trần Ngọc Trung chỉ huy tấn công tiêu diệt Chi cảnh sát Đông Giang, sau khi nghiên cứu nắm kỹ tình hình đêm ngày 4 rạng ngày 5 tháng 5 năm 1968 ta phát lệnh tấn công, trận đánh đã tiêu diệt 32 tên cảnh sát ác ôn, phá sập cơ quan Chi cảnh sát Đông Giang, trận đánh được tặng thưởng Huân chương chiến công giải phóng hạng nhất và đồng chí Trần Ngọc Trung được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhì.

Chợ Mai Sơn Trà (phường Thọ Quang): Tại đây, vào tháng 6/1971 đồng chí Nguyễn Thị Huệ, cán bộ xây dựng biệt động quận III cùng đồng chí Mai Văn Hai, Đội trưởng Đội biệt động; đồng chí Mai Thị Ba, Tổ trưởng Tổ biệt động khu phố Nam Thọ đã dùng chất nổ đặt vào chiếc xe Jeep chở 3 tên Mỹ, 2 sĩ quan ngụy và 01 lái xe làm xe nổ tung tiêu diệt tất cả bọn chúng. Vào 02h00 sáng ngày 28/3/1975 cũng tại chợ Mai, một Đội biệt động quận III trên 30 người đã đánh 01 xe chở vũ khí của địch và thu toàn bộ vũ khí.

Ngã ba Tiên Sa (phường Thọ Quang): Vào cuối năm 1971 đầu năm 1972, đồng chí Nguyễn Thị Huệ, cán bộ xây dựng Biệt động quận III cùng đồng chí Mai Văn Hai, Đội trưởng Đội biệt động đã dùng lựu đạn đánh vào chiếc xe Jeep 3 sĩ quan Mỹ, đang chạy trên đường Ngô Quyền đến ngã ba Tiên Sa làm 3 tên này chết tại chỗ. Chiến công này đã được nhà nước truy tặng Huân chương chiến công hạng 3.

Cây me Phước Trường (phường Phước Mỹ): Cây me cao khoảng 30m, cành nhánh sum sê, gốc có thể 2 người ôm không hết, cây me trở thành hình ảnh quen thuộc trong cuộc sống và đã đi vào tâm thức của người dân địa phương. Theo lời kể của các cụ già trong làng thì cây me đã có hơn 200 năm. Trong kháng chiến chống Pháp, tại địa điểm này đã diễn ra cuộc mít tinh nhân kỷ niệm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9/1945 của nhân dân khu Đông, do Thành uỷ Đà Nẵng tổ chức. Nơi đây, còn diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng, nơi đứng chân hoạt động trong thời gian dài của cơ quan khu Đông trong chống Pháp. Sau ngày đất nước thống nhất, Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng gắn bia “di tích lịch sử cây me Phước Trường”.

3. Nhà cổ thuộc kiến trúc nhà rường truyền thống:

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, nhà cửa của nhân dân chủ yếu làm bằng tre, lợp tranh, những người giàu có mới làm nhà rường : nhà làm bằng loại gỗ tốt và ghép với nhau bằng mộng, nhưng rất ít. Năm 1922 phường Phước Mỹ có ngôi nhà ngói của ông Nguyễn Văn Hữu (1878 - 1948), là công chức của Toà Thương chánh Trung kỳ, phẩm hàm Thị Đốc học sĩ (được triều đình nhà Nguyễn phong danh hiệu Hương Lô Tự Khanh). Ngôi nhà chia làm 3 gian, cột bằng gỗ lim, lợp ngói âm dương. Phía trước có sân rộng lát gạch, có hồ thả cá. Cổng được xây hình cánh cung. Ngôi nhà được các thế hệ con cháu trùng tu, bảo quản.

4. Các di vật, cổ vật có trong các thiết chế đình làng, các nhà thờ chư phái tộc, các cơ sở thờ tự tôn giáo.

Giếng xóm (giếng cổ) tại tổ 21, Tân Bình, phường Mân Thái: Giếng có cách đây 200 năm, lúc đầu giếng do ông phó Tổng xây và sử dụng cho sinh hoạt hàng ngày của người dân trong xóm, ngày nay giếng vẫn còn sử dụng được nước rất trong và mát ngọt. Giếng được xây theo dạng lục giác trên miệng. Bờ giếng cao 0m30, dày 27cm, đường kính 1,1m, giếng sâu khoảng 4,5m.

Giếng cổ, tổ 18, Tân An, phường Mân Thái: Theo truyền thuyết trước đây Mân Thái là nơi hoang vắng, dân cư thưa thớt, bà Phạm Thị Học là người phụ nữ không chồng, một mình lên Trường Định tìm đá về xây giếng cho dân làng lấy nước dùng. Giếng có đường kính 1,3m, dày 20cm, cao 50 cm, miệng giếng hình tròn, thân giếng hình vuông được xây bằng đá. Đá giếng có hoa văn bị rêu phủ bám. Phần miệng giếng

lồi lên mặt đất được dân trong vùng xây thêm bằng gạch thẻ. Nước giếng trong, mát mọi người quanh vùng vẫn dùng thường xuyên. Giếng được xây cách đây 200 đến 300 năm.

Mộ cổ tại Nại Hiền Đông: Đây là ngôi mộ của Đội trưởng Phan Quý Công, ông là một vị tướng nhỏ trong quân đội của triều đình nhà Lê. Ông là người có tài, có đức nên khi mất ông được nhân dân trong vùng lập mộ chí và thờ cúng. Mộ được xây năm Ất Dậu (1645) bằng đá vôi, nắm mộ có hình yên ngựa, quanh mộ được bao bọc bởi bờ tường thấp, trước mộ là 01 tấm bia bằng chữ Hán theo thời gian đã bị mờ 01 số chữ. Hiện tại bia và mộ còn nguyên nhưng tường rào bên phải mộ đã bị vỡ nứt. Diện tích: Khuôn viên 5,7m x 5,1 m, Mộ 2,2m x 1,38m, Bia rộng 1,4m; dày 45cm; cao 93 cm.

Mộ cổ tại Phước Mỹ: Tại khối Mỹ Quang, theo truyền khẩu, ngôi mộ có cách đây 200 năm, bản thân vị này trước đây là nông dân làm ruộng, đi chăn trâu. Ông là người dạy cho binh lính bắn cung. Hiện bài vị của ông được thờ tại đình theo văn tế ghi “Hậu biên Trần Quý Công”.

Nhà thờ Tiên Hiền, An Thuần, An Hải Tây: Thờ 36 tộc, họ vừa tiên hiền, vừa hậu hiền, Hai năm trước khi qua đời (1827) Thoại Ngọc Hầu có chuyến về thăm quê hương làng An Hải, cùng với việc xây chợ Hà Thân, chùa ông cũng đóng góp tiền bạc tu bổ nhà thờ tiên hiền. Để nhớ công lao của ông dân làng An Hải tôn vinh ông là hậu hiền và thờ ông trong nhà thờ cùng với các vị tiên hiền.

Ngày 2/3 âm lịch kỵ tiên hiền

Ngày 6/6 âm lịch kỵ hậu hiền trong đó có Nguyễn Văn Thoại.

Ngày 2/6 âm lịch cúng giỗ tại mộ tiên hiền

Bên cạnh nhà thờ phía bên phải là 4 ngôi mộ tiên hiền, truyền thuyết khi bà Hà Thị Thân từ Thanh Hoá vào khai xứ có đem theo hài cốt cha mẹ vào cùng. Sau khi vợ chồng bà mất nhân dân trong làng đã chôn vợ chồng bà cùng chỗ với mộ cha mẹ bà.

Bên trái nhà thờ theo các cụ là mộ tướng Trần Quang Diệu. Mộ có đường kính 3,2m; dày 20cm; cao 82 cm.

5. Các thiết chế tôn giáo có trên địa bàn:

+ Phật giáo: có 14 chùa.

+ Thiên Chúa giáo: có 5 nhà thờ và 1 Toà Giám mục.

+ Tin Lành: có 2 nhà thờ.

+ Cao đài : có 01 thánh thất, 01 thánh xá.

6. Các danh lam thắng cảnh:

Tiên Sa, Suối đá, Bãi Bụt, Bãi Nồm, Bãi Rạng... với không khí trong lành, thoáng mát cùng cảnh quang nhân tạo hài hòa của vẻ đẹp thiên nhiên làm say lòng du khách thập phương đến vãn cảnh Tiên Sa, Bãi Bụt. Sông - núi - biển - trời, một vùng cảnh trí thiên nhiên, tình đất - tình người. Con đường mới mở xuyên qua các triền núi phía Nam đỉnh Sơn Trà; và tương lai rất gần cầu Thuận Phước nối nhịp Tiên Sa con đường xuyên qua làng chài Thọ Quang tiếp nối vòng cung biển Sơn Trà - Điện Ngọc, Bãi tắm Mỹ Khê nổi

tiếng từ lâu đời. Bãi biển thoáng rộng, độ dốc lồi dần đều, có những cồn cát trắng mịn chạy dọc suốt bờ biển đến hút tâm mắt, nước biển trong xanh. Biển Mỹ Khê có phong cảnh đẹp. Ở phía Bắc núi Sơn Trà nhô xa ra biển, tạo thành vòng cung ôm lấy biển. Núi, cây, mây, nước... hoà quyện cùng nhau tạo nên phong cảnh nên thơ, trữ tình. Ở phía Nam, cụm núi Ngũ Hành Sơn ẩn hiện trong rừng thông reo vi vu hiền hoà quanh năm. Nhìn ra ngoài khơi xa, hòn Cù Lao Chàm ẩn hiện nhấp nhô trong màu xanh nước biển... Biển Mỹ Khê từ lâu đã trở thành nơi nghỉ mát lý tưởng của nhân dân và du khách trong những ngày hè. Mỗi khi đứng trước biển rộng, phóng tầm mắt xa tận chân trời, ta thấy tâm hồn thư thái, bao buồn lo đều tan biến.

II. NHỮNG GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ:

1. Các làng nghề truyền thống:

Đất Sơn Trà có các nghề truyền thống lâu đời, nhất là nghề đánh bắt hải sản. Nghề đi biển đánh bắt hải sản gồm có các nghề giã cào, rê cản, câu mực khơi, lưới vây, mành, chà, rớ giả ruốc... Rất khó đánh giá và kết luận nghề nào có ưu thế hơn, bởi vì theo từng mùa, từng ngư trường mà có năng suất khác nhau. Nghề làm cá có từ lâu đời như làng cá Nam Thọ, Tân Thái, Mỹ Khê, An Hải... và tạo ra nét riêng của văn hoá cư dân vùng biển. Đặc trưng văn hoá cơ bản nhất của dân cư vùng biển là: Chất phác, bản lĩnh, đoàn kết, mang đậm tính dân gian, thể hiện qua tục ngữ “ăn sóng nói gió”. Những ngư dân vùng biển Sơn Trà hiền lành, chất phác, chịu khó làm ăn, tích góp để có của ăn của để, phòng khi mất mùa hoặc những lúc chẳng may bị mất tài sản khi gặp bão, lúc này gọi là “biển giả” chứ không phải là “biển thật”. Chủ thuyền khi chia tiền cho bạn thuyền vẫn giữ lại một phần để làm quỹ chung, đến cuối mùa mới lấy số tiền đó chia đều cho nhau.

Mặc dù thuyền nhỏ, các trang thiết bị sơ sài nhưng dựa vào kinh nghiệm, ngư dân vẫn luôn ra khơi bám biển, cho dù lúc đó thời tiết thất thường không thuận lợi. Trước cơn sóng dữ, người ngư dân vẫn “vững tay lái, chắc tay chèo”, vượt qua những vùng nước xoáy rất nguy hiểm như “mũi nghê”, “gành dang”... Tính đồng đội bạn thuyền thể hiện rất rõ nét, họ cùng chia sẻ những khó khăn từ khi đưa thuyền xuống bến cho đến khi đánh bắt được cá trở về. Khi đưa thuyền xuống bến, người ta xúm nhau lại để khiêng thuyền, hết thuyền này rồi đến thuyền khác, cứ thế mà tiếp tục. Khi đánh bắt, nhiều lúc bạn thuyền không có cái ăn, thì những thuyền khác sẵn sàng giúp đỡ cá ăn cho bạn thuyền.

Khi đánh cá, thường dùng các từ “hô la, hò la”... để tạo sức mạnh đồng bộ, nhịp nhàng, làm cho mẻ lưới có tỷ lệ cá thoát ra ít hơn. Những lúc hoạn nạn, vui buồn bạn thuyền đều có ở bên nhau giúp đỡ chia sẻ. Thông thường, vào ngày đầu năm mới, bạn thuyền kéo đến nhà chủ thuyền “Xông đất”, sau đó chúc phúc lẫn nhau. Trước đó, chủ thuyền tổ chức lễ cúng chọi tiết heo ngay tại nhà và chia phần cho bạn thuyền để có thịt ăn tết.

Làng cá nào cũng lập miếu thờ cá Ông, bãi biển nào cũng xây dựng miếu thờ những ngư dân không may bỏ mình ở biển khơi, và theo phong tục tập quán đều tổ chức kỵ Ông, cúng cô hồn. Việc cúng bái được thực hiện một cách bài bản, các văn tế mang đậm tính chất tâm linh, cầu mưa thuận gió hoà, trời yên biển lặng, các chuyến biển được

đầy ắp cá tôm, thể hiện rõ nét nhất, sâu sắc nhất là Lễ hội cầu ngư, lễ hội đình làng, lễ Nghinh Ông... (đã được mô tả phần trên).

1.1. Nghề đánh cá trên sông: Ngày xưa, cư dân ở ven sông Hàn thường là những người dân nghèo, sáng sớm, họ chèo ghe ra sông đánh bắt cá, được bao nhiêu, vợ con mang ra chợ ngồi bán, thường người dân bắt cá tôm bằng nhiều nghề từ lưới bện, rớ chồ, rớ thuyền... Nghề rớ chồ sử dụng lưới có diện tích bề mặt từ ba đến năm trăm mét vuông. Để hành nghề, họ chọn khúc sông nào nhiều cá hay qua lại, dựng một cái chồ cố định, phía trước lưới được căng ra, có bốn cọc giữ bốn góc. Đêm đến họ ngồi trong chồ điều khiển cho lưới hạ xuống dưới mặt sông, tùy theo con nước mà điều chỉnh thời gian kéo lên nhanh hay chậm. Nghề rớ thuyền có dụng cụ đánh bắt vẫn là rớ, nhưng nhỏ hơn. Chỗ hành nghề không cố định, hề thấy chỗ nào có nhiều cá tôm, họ thả rớ đã cột sẵn dưới đuôi thuyền xuống để bắt. Tuy nhiên gần đây, người dân xóm chài ít hành nghề rớ chồ và rớ thuyền, họ thường hành nghề chài, rôi lưới bện, lưới giã bát. Dụng cụ chài là lưới ni lông dài từ 10 đến 15 mét chuyên bắt cá ở độ sâu 10 đến 15 mét như cá úc, cá hanh, cá móm... Thông thường, lưới để sẵn trên thuyền, ngư dân đứng ngay tại chỗ vung ra xa, sau đó có hai chiếc thuyền con đi quanh, dùng chèo đập nước xua cá để chúng mắc vào lưới. Nghề lưới bện chuyên bắt cá rô, cá ngạnh, cá đối. Để đánh bắt cá, họ dùng chiếc lưới dài thả lưới, gõ vào mạn thuyền, làm cho cá sợ mà chạy qua bên kia, vướng vào lưới đã giăng sẵn. Nghề giã bát là nghề sử dụng lưới nhỏ để bắt tôm.

Càng ngày, nguồn thủy sản trên sông cạn kiệt, người dân ven sông thường đổi nghề sang đánh bắt cá biển bằng cách đi bán cho các chủ thuyền lớn, hoặc dành dụm đóng tàu vươn khơi. Nhờ vậy, đời sống nhiều ngư dân khá lên rõ rệt. Thực hiện chủ trương giải toả, di dời, chỉnh trang đô thị, nhiều nhà chồ tạm bợ của ngư dân phường Nại Hiên Đông, An Hải Bắc không còn nữa, nâng cao chất lượng cuộc sống của những ngư dân vùng ven sông.

1.2. Nghề Lưới quét: Là nghề đánh bắt hải sản truyền thống của các làng ven biển. Nghề này mang tính đoàn kết cộng đồng rất cao, vì phải dùng sức nhiều người cùng một lúc kéo lưới (đã được thả ở ngoài biển) vào bờ. Nét độc đáo, thú vị của nghề này là người lao động kéo lưới mắc dây vào đai lưng, đứng thành hai hàng dọc cách xa nhau, mặt hướng ra biển, người luôn ngả về phía sau, chân đạp mạnh xuống đất để đà, đi lui từng bước một lên bờ và hai hàng dọc dần sát lại nhau mục đích để cho lưới bao vây đàn cá lại không cho thoát ra ngoài, tạo nên hình ảnh rất đẹp về sức mạnh của con người trước biển cả mênh mông.

1.3. Nghề trồng hoa của phường Phước Mỹ: Có từ lâu đời, nhưng trước đó chủ yếu trồng hoa để cúng và thường bán vào ngày rằm, mùng Một Âm lịch hàng tháng. Hoa chủ yếu là Vạn thọ, Mào gà, các loại Cúc... Cuộc sống phát triển, nhu cầu chơi hoa ngày càng tăng, nên từ những năm 1970, nhiều gia đình chuyển sang trồng hoa kiểng để phục vụ nhu cầu của người dân thành phố. Những loại hoa phổ biến gồm Cúc đại đoá, Loa kèn, Thược dược, Hướng dương, Hồng..., sau có thêm Lay ơn, Đồng tiền, Cẩm chướng... Những năm gần đây do quá trình đô thị hoá phát triển nhanh chóng, đất nông nghiệp bị thu hẹp nên nghề trồng hoa còn rất ít, chủ yếu trồng các loại cây cảnh, bon sai trong chậu cảnh đem bán hoặc để cho gia đình thưởng thức.

Ngoài ra, người dân Sơn Trà còn làm một số nghề như: Nghề đóng thuyền, đan thúng, đan mây và dệt ở Thọ Quang; Nghề làm mắm ở Mân Thái, Phước Mỹ, Thọ Quang; nghề đan lưới ở các phường ven sông, biển.

2. Các lễ hội truyền thống:

2.1. Lễ hội đình làng:

Đình làng Nam Thọ - Thọ Quang chọn ngày 12 tháng 6 Âm lịch hàng năm là ngày lập làng, cũng là ngày cầu cho quốc thái dân an. Ngày 02 tháng 8 Âm lịch hàng năm là ngày giỗ tiên hiền.

Đình làng Mân Quang - Thọ Quang chọn ngày 16 tháng 3 Âm lịch hàng năm là ngày hội của làng.

Đình làng Cổ Mân - Mân Thái vào ngày 25 tháng Chạp Âm lịch, dân làng tập trung tu bổ phân mộ, thắp hương tưởng niệm, tổ chức nghi lễ đón Tết Nguyên đán, treo cờ, cắm phướn, dựng nêu, chọn người hiền xông đất đầu năm; chuẩn bị lễ vật, bông hoa, cây trái, bánh chưng, bánh tét bày cúng trong 3 ngày Tết, tổ chức văn hóa, vui chơi giải trí, dân làng mến mộ nhất là loại nghệ thuật tuồng, hát bội.

Đình làng Mỹ Khê - Phước Mỹ chọn ngày 24 tháng Giêng Âm lịch hàng năm tại đình làng tổ chức lễ Xuân Thu thành kính tưởng niệm công đức của các bậc tiền nhân, anh hùng liệt sĩ đã có công lập làng.

Đình làng Nại Hiền Đông cũng là nơi sinh hoạt văn hoá của làng, là nơi con cháu tụ họp trong những ngày tế lễ, hội hè. Phong tục cúng tế là cúng heo sống (đã giết mổ nhưng chưa nấu chín) kèm theo lông và huyết gọi là “Uế mao huyết”.

2.2. Lễ hội cầu ngư:

Là một trong những sinh hoạt văn hoá mang đậm yếu tố tâm linh của ngư dân vùng biển Sơn Trà. Lễ hội này gắn với các tín ngưỡng thờ cá - là vật tổ từ xa xưa của ông cha ta trong những ngày đầu di dân về phía biển. Đây là một lễ hội lớn, trang trọng thiêng liêng song cũng vô cùng dân dã, thể hiện vẻ đẹp truyền thống của người dân vùng biển.

Lễ Cầu Ngư ở phường Mân Thái có từ thời Cảnh Hưng (1740 - 1786) nhưng đến đầu thế kỷ thứ XIX, thời Gia Long (Nhà Nguyễn) Lễ Cầu Ngư mới phát triển và được duy trì cho đến ngày nay. Trong lễ Cầu Ngư ở Mân Thái đồng bào vẫn còn giữ được các nghi lễ có tính truyền thống xưa, về ăn mặc, sắc phục áo quần, mũ mào, giữ theo lối cổ, nhất là áo quần của các học trò gia lễ, chánh lễ và nhất xướng, nhất độc (người xướng và người đọc văn tế), cũng như các làn điệu hát chèo Bã trạo (ngày nay chỉ thay đổi từ ngữ cho phù hợp với đời sống hiện tại, nhưng các làn điệu vẫn giữ nguyên như xưa).

Trong những năm gần đây vấn đề “Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá phi vật thể” được Đảng và Nhà nước rất quan tâm, do đó việc bảo tồn và phát huy lễ Cầu Ngư là một việc làm hết sức cần thiết, nhằm giữ gìn vốn văn hoá truyền thống trong sự nghiệp xây dựng, đổi mới và phát triển của quận.

3. Các hình thức diễn xướng dân gian:

3.1. Hát Bả trạo: Là hình thức diễn xướng của giới ngư phủ vùng ven biển, được thực hiện trên thuyền chài đang lúc đánh bắt cá. Đây là loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian mang tính nghi lễ của ngư dân ven biển nhằm mục đích tạo nguồn vui sống và tăng thêm sức lực đồng nhịp khi lao động nặng (khiêng vác, kéo đẩy, chèo thuyền...). "Bả" là nắm chắc, "trạo" là mái chèo. Hát "Bả trạo" là hát vũng tay chèo theo động tác chèo thuyền. Nội dung hát Bả trạo nhằm ca ngợi công đức của cá Ông đối với ngư dân (cứu người, giúp đánh bắt được nhiều hải sản) hoặc mô tả quá trình lao động vất vả của ngư dân giữa biển khơi, đồng thời ca ngợi sự giàu có của biển, và trên hết là sự đoàn kết của bạn chèo vươn tới cuộc sống ấm no đầy đủ. Chính vì vậy, Lễ Nghinh Ông hát Bả trạo đóng một vai trò quan trọng thu hút nhiều người tham gia và thưởng thức. Có thể nói, hát Bả trạo gắn liền với nghi lễ. Bởi vì khi tham gia Bả trạo tất cả mọi người, từ diễn viên đến khán giả đều cầu mong cho sự bình yên, thịnh vượng - từ lòng tôn kính đối với Ông.

Hát Bả trạo là một phần của văn hoá dân gian, tuy mang tính nghi lễ nhưng vẫn mang đậm phong tục, tập quán và nghệ thuật dân gian xứ Quảng. Dần dần, loại hình này biến thành múa hát nghi lễ, áp dụng trong lễ tang của gia đình các ngư dân, rồi lan ra quần chúng, gọi là Hò đưa linh.

3.2. Hô bài chòi: Đây là hình thức vừa đánh bài vừa hát ở trên những chiếc chòi cất riêng cho trò chơi này, thường được tổ chức vào tiết xuân mang đậm nét dân gian và tập thể. Một ván bài có khi kéo dài cả tiếng đồng hồ. Cuộc chơi có ăn thua tiền bạc nhưng chủ yếu vẫn là sự vui chơi để người chơi bài thoải trí tưởng tượng và niềm hy vọng của mình dựa theo lời diễn xướng, mong tìm sự may mắn vào mùa xuân mới. Cốt lõi của trò chơi này là sự vui tai phán đoán nước bài qua những câu hát có vần, có điệu, những câu thơ bình dị và nhiều thể loại khác, vì thế nó mang tính cách văn hoá dân gian và hấp dẫn đối với nhiều người trong thời gian dài.

3.3. Hát bội: Thường được tổ chức vào các ngày lễ tết, đây là loại hình nghệ thuật mà những người cao tuổi rất thích. Hát bội thường tổ chức tại sân đình, trong buổi hát có một vị cầm châu, người cầm châu phải thông thạo, hiểu ý nghĩa của từng tiếng trống, hiểu tường tận về niêm luật, diễn xuất, vũ đạo, cách hát, cách dùng binh khí, đấu võ hiểu đúng mới được cầm châu trong mỗi đêm hát.

4. Các loại hình văn học dân gian:

4.1. Thần thoại, truyền thuyết dân gian, truyện kể dân gian:

4.1.1. Đá bàn chân tiên: Từ thế kỷ XV trở về trước, núi Sơn Trà mây phủ quanh năm, bốn bề bao quanh đều là nước, thuyền bè có thể đi thẳng vào đất liền bất cứ hướng nào. Vào các buổi chiều trên đỉnh núi Sơn Trà những áng mây bồng bênh, trông giống như Tiên đang bay. Tương truyền trên đỉnh cao nhất của núi Sơn Trà có một tảng đá rất to, Tiên hay xuống đây để đánh cờ. Vào một ngày kia, có một Tiên ông đánh thua nước cờ nên đã tức giận dậm mạnh bàn chân lên tảng đá và bay về trời, để lại trên tảng đá dấu một bàn chân lớn lún sâu xuống gọi là "Đá Tiên". Bên cạnh đá Tiên, tảng đá bàn cờ có một cái hang sâu thăm thẳm gọi là "Giếng Tiên" hay "Hang Tiên" người đời sau còn

gọi “Hang Diên giếng” Tiên thường lấy nước ở hang để dùng, ai muốn qua miệng hang phải đu dây leo bay qua nên núi mới có tên gọi là Tiên Sa.

4.1.2. Chuyện tình Tiên Sa: là câu chuyện huyền thoại về bán đảo Sơn Trà, được truyền từ đời này sang đời khác, dù có dị bản nhưng cái hồn của câu chuyện vẫn được giữ nguyên. Chuyện tình Tiên Sa là câu chuyện tình rất đẹp và lãng mạn thể hiện tình yêu chân thành, mộc mạc của chàng trai chài lưới với Tiên nữ trên trời, vì quá yêu cảnh thiên nhiên, sông núi và con người của vùng đất “rừng thiêng nhưng nước không độc” đã tìm đến nơi đây để chiêm ngưỡng cảnh đẹp và xây dựng hạnh phúc lứa đôi, mang lại cuộc sống ấm no, bình yên, hạnh phúc cho mọi người.

4.1.3. Chuyện tình bãi Bụt: xưa có một đôi trai gái yêu nhau, họ cùng nhau thề non hẹn biển sẽ sống chung thủy trọn đời bên nhau. Ngày ngày, khi mặt trời vừa nhô lên đỉnh núi chàng lên đường ra khơi bám biển bắt cá tôm; nàng ở nhà khai hoang, mở đất trồng rau. Khi tối về vợ chồng lại ở bên nhau trong túp lều tranh nằm dưới chân núi. Cuộc sống của đôi vợ chồng trẻ hạnh phúc. Nhưng vào một ngày kia, người chồng chia tay vợ để ra khơi đánh cá chưa được bao lâu thì trời đất bỗng chuyển màu u ám, mây đen ùn ùn kéo về, gió thổi mạnh, sấm chớp ầm ầm, biển động dữ dội, nàng lo lắng đứng ngồi không yên. Chiều về trời quang mây tạnh, nàng ra bến đón chồng về, mắt nàng cứ nhìn ra biển chờ chồng về, nàng chờ mãi, chờ mãi vẫn không thấy bóng chồng đâu, lòng buồn bã, nàng suy nghĩ mông lung, không cầm được nước mắt. Bao nhiêu nước mắt nàng đã khóc trong sự chờ đợi tuyệt vọng thương tiếc chồng đã chìm dưới biển sâu, nàng cứ khóc, khóc mãi, nước mắt của nàng đã đắp bồi thành “Bãi Bụt”, một vùng biển hiền hòa như Bụt. Để giữ lòng chung thủy với chồng, nàng đã xuống tóc lên chùa đi tu, và cứ mỗi khi chiều về nàng lại ra bến đợi, mắt vẫn hướng ra biển chờ đợi trong nỗi buồn, nỗi nhớ mênh mông.

4.1.4. Sự tích miếu ông Chài: Tại triền núi Sơn Trà, giáp ranh hướng Đông Bắc làng Nam Thọ (Thọ Quang), gần bãi Đá có một ngôi miếu cổ. Chuyện kể rằng, ngày xưa có một người chài lưới goá vợ từ rất lâu nhưng vẫn ở vậy để nuôi dưỡng con gái. Dân trong vùng không rõ quê quán, nhà cửa ông ở đâu, ngay cả tên họ cũng không biết, chỉ thấy ông thường hay đến bãi Đá, chờ cho nước ròng hoặc nước lớn có từng đàn cá đoi hay cá hanh vào bờ, đặt giải chài đánh bắt bán độ nhật. Dân quanh vùng quen gọi ông là ông Chài. Cuộc đời của cha con ông Chài tuy sống đạm bạc, đơn côi, nhưng rất tôn trọng đạo lý can thường. Tình phụ tử, lễ giáo và hiếu hạnh luôn được đề cao, gắn bó. Hằng ngày, con gái ông Chài đều mang cơm nước cho cha mình làm nghề ven biển. Một hôm, trời bỗng nổi giông tố sấm sét, mưa trút xuống xối xả. Bị mưa ướt gió lạnh, ông Chài vội vàng về lều. Ngồi trong lều thấy cha ướt lạnh run rẩy, cô liền vọt chạy ra dìu cha. Trước hai chuyển động ngược chiều, cô con gái ông Chài từ trên đồi chạy xuống, ông Chài bị trượt ngã chồm đến trước, bất ngờ tay ông chạm mạnh vào “nhũ hoa” của cô con gái, làm sút nút cài, để lộ bộ ngực nõn nà của đứa con gái yêu quý. Khi về nhà ngồi nhìn con mình, ông Chài vô cùng xấu hổ ray rứt. Tuy rằng chỉ là sự việc khách quan đưa đến, nhưng ông Chài cảm thấy tội lỗi tày trời không thể nào tha thứ cho hành vi xâm phạm luân thường đạo lý đó, ông coi đó là sự nhục nhã không thể nào trơ mặt sống ở đời. Ông bèn nói dối với con gái rằng ông lên đồi có công chuyện. Cô con gái chờ mãi không thấy ông trở lại lều, bèn lên đồi tìm cha, thì đã thấy cha cô đã

đập đầu vào gốc cây chết thê thảm. Đau đớn tột cùng, cô ôm cha vào lòng khóc than khôn xiết. Những ngày sau đó, cô được dân làng giúp đỡ an táng cho cha. Thế rồi suốt 3 năm trời, ngày nào cô cũng đều đến bên mộ cha gục đầu than khóc thảm thiết. Hình như cô tự trách mình đã vô ý làm hại cha, nổi oan nghiệt vì mình mà cha phải chết. Sau đó không lâu, người ta không còn thấy cô có mái tóc dài mượt mà, thay vào đó, đầu cô trùm kín bởi chiếc mũ vải.

Và cũng kể từ đây, biệt lập không thấy cô trở lại viếng mộ cha. Cảm động và thương xót cha con ông Chài, người dân quanh vùng đã lập miếu thờ tại nơi ông mất. Miếu này đến nay vẫn còn trơ gan cùng tuế nguyệt.

4.2. Tục ngữ, thành ngữ, ca dao, dân ca:

4.2.1. Về thời tiết:

Đời ông cho chí đời cha
Mây phủ Sơn Trà không gió thì mưa

*

Chiều chiều mây phủ Sơn Trà
Sóng rền Non Nước trời đà chuyển mưa
hoặc

Chiều chiều mây phủ Sơn Trà
Sóng rền Non Nước mưa sa Vũng Thùng

*

Mùng năm tháng chín bão rơi
Nào ai đi lộng đi khơi phải về

*

Chớp quảng thì giông, chớp hừng đông thì gió

4.2.2. Về nghề:

Lúc nông nhàn, biển lặng, những người lớn tuổi thường hay kể chuyện với con cháu, hoặc hát ru bằng câu hát mộc mạc, thân thương truyền lại từ bao đời nay:

Buổi mai lên núi đốt than
Chiều về xuống biển đào hang bắt còng

*

Ngó lên Mân Bắc nằm kê
Có đèn chiếu sáng tàu về lạch trong

4.2.3. Về cảnh đẹp của Sơn Trà:

Ngó ra ngoài biển Sơn Trà
Có hình tượng đá gọi là đầu nghê

4.2.4. Về tình yêu:

Ngay trong hai tiếng Sơn Trà cũng đã gợi nhớ bao nỗi niềm da diết, trong tình yêu sâu đậm và mối thương cảm thấm lệt của gái trai Quảng Đà.

Chiều chiều mây phủ Sơn Trà
Lòng ta thương bạn nước mắt và lộn com

5. Các tư liệu văn tự Hán - Nôm (sắc phong, bia ký, gia phả, thần phả, địa bạ, hương ước. . .):

5.1. Đình làng Nam Thọ, Thọ Quang: Hiện lưu giữ 35 sắc phong của các triều vua đã tạo cho đình làng có giá trị cao về mặt lịch sử văn hoá.

5.2. Đình làng Mỹ Khê, Phước Mỹ: Hiện lưu giữ 16 sắc phong đây là nguồn văn hoá phi vật thể vô giá được lưu truyền cất giữ cách đây hàng trăm năm.

5.3. Đình làng An Hải, An Hải Tây được ban khen :

Năm 1865 Vua Tự Đức thứ 18 ban một tấm biển với 4 chữ vàng “Thiện Tục Khả Phong” vì những phong tục tập quán đẹp của làng.

Năm 1877 Vua Tự Đức thứ 30 ban tặng một đạo sắc phong nhân ngày ngũ tuần Đại khánh (nhân dịp đình làng trùng tu lần thứ nhất).

Năm 1887 vua Đồng Khánh năm thứ 2 ban tặng 2 đạo sắc phong nhân ngày Quốc khánh.

Năm 1911 Vua Duy Tân năm thứ nhất ban tặng đạo sắc phong nhân ngày Quốc khánh.

6. Các trò chơi dân gian:

6.1. Hô bài chòi: Thường được tổ chức vào tiết xuân mang đậm nét dân gian và tập thể, mang tính cách văn hoá dân gian, hấp dẫn đối với nhiều người tham gia chơi.

6.2. Thi cờ tướng: Cờ tướng là môn chơi rất trí tuệ, phức tạp đòi hỏi người chơi phải tư duy, suy nghĩ tìm ra những nước cờ đi đúng và chính xác. Thi đấu cờ tướng trong ngày tết có thể coi là trò chơi dân gian của người dân vùng biển Sơn Trà nên phải duy trì tổ chức thường xuyên vào những ngày lễ tết của dân tộc.

6.3. Các trò chơi dân gian: Dành cho trẻ em là các trò chơi như : Cờ gánh, chơi ô ăn quan, nhảy dây, nhảy cò cò ...

7. Các món ăn dân gian:

7.1. Các món ăn thường ngày: Mì quảng, bún tươi mắm cá giò hoặc cá cơm, bánh tráng đập đập, bánh bèo, bánh nậm, bánh gói, bánh bột lọc, bánh canh, bánh xèo, bánh tráng cuốn thịt heo hoặc cuốn rau sống, ...

7.2. Các món ăn ngày tết: Bánh tét, bánh chưng, bánh tổ, bánh nỏ, bánh in, bánh thuẫn, bánh rò, ... các loại mứt gừng, mứt dừa ...

Ngày xưa, người dân muốn có thức ăn 3 ngày tết mà không hôi thiu thường sơ chế các loại thịt cá : thịt gà rim, thịt heo xiu từng khúc, thịt heo muối, thịt heo luộc, cá khô, mực khô ...

8. Phong tục tập quán tiêu biểu:

8.1. Tập tục cưới hỏi: Nam nữ khi yêu nhau đề tiến đến hôn nhân phải vượt qua những lễ giáo phong kiến khắc khe của người xưa: Luôn chịu sự sắp đặt của cha mẹ “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Việc hôn nhân tuy là của hai người nhưng lại kéo theo việc xác lập quan hệ giữa hai họ tộc “môn đăng hậu đối” nên có tục kén dâu, chọn rể. Khi muốn tìm vợ cho con trai, gia đình nhà trai nhờ ông mối hay bà mối sang nhà gái đề ngõ ý thăm dò trước xem đôi bạn trẻ có hợp tuổi không thì quyết định tiến hành lễ cưới, nếu tuổi xung khắc thì thôi đó là tục mai mối. Khi hai gia đình đồng ý thì nhà trai chọn ngày tốt sửa lễ mang qua nhà gái để làm Lễ hỏi; Báo hi; chuẩn bị lễ cưới nhà trai đóng giường mới cho cô dâu chú rể. Lễ cưới là ngày trọng đại nhất, đám rước dâu chọn ngày tốt và giờ tốt để khởi hành, (đoàn rước dâu phải là số chẵn, những người có tang mới, những người góa chồng, vợ ... không được chọn vào đoàn rước dâu).

8.2. Tập tục ma chay: Những người mới chết thường không bao giờ được thờ chung với bàn thờ tổ tiên mà thường được lập một bàn thờ riêng tại gian thờ hoặc ở một gian nhà ngang. Bàn thờ người mới chết được bài trí tương đối sơ sài : Một bát hương, một di ảnh, một lọ hoa, một chén nước, hai cặp đèn. Hàng ngày, tính từ ngày đã an tang xong, người ta đều đặn thắp hương, cơm canh vào các bữa chính, trước khi gia đình ăn cơm, hoặc những món ăn mà lúc còn sống người đã chết thích ăn, mời người mới chết về thụ hưởng. Có lẽ do quan niệm dân gian, lúc này người mới chết, phần vì quyến luyến người thân, phần vì “hồn vía vẫn còn nặng” nên chưa thể siêu thoát được nên còn lẩn quẩn quanh nhà. Hơn nữa, những người còn sống cũng không muốn tin vào sự thật là họ vừa mới mất một người thân nên làm như vậy để dịu đi nỗi đau đớn trong lòng. Ngày nay, do điều kiện công việc hoặc do quan niệm mới, tục lệ này chỉ còn tồn tại rải rác một số nơi.

Việc thờ cúng như thế cho đến 49 ngày (thất tuần), người ta thường sẽ làm lễ rước bát hương lên bàn thờ tổ tiên. Có nơi tập tục lại quy định phải sau 100 ngày, thậm chí có gia đình lại để sau giỗ đầu mới rước bát hương người chết đặt lên bàn thờ tổ tiên. Những người con, cháu khác phải sau 49 ngày mới lập bát hương người mới mất trên bàn thờ tổ tiên ở nhà mình. Trước khi lập, sẽ thắp hương ở nhà người con trưởng (nơi đang thờ người mới chết) rồi khẩn xin rút ba chân hương ở bát hương của người mới mất đem về cắm vào bát hương ở nhà mình. Giỗ được tiến hành mỗi năm một lần song quan trọng nhất là giỗ đầu và giỗ hết.

8.3. Thờ cúng tổ tiên: Cũng như bao người dân khác của dân tộc Việt Nam, người dân vùng biển Sơn Trà cũng luôn lấy đạo hiếu làm đầu và trọng ân nghĩa. Trong quan niệm của dân gian thì thế giới người sống và thế giới người chết có một mối liên hệ vô hình. Việc thờ cúng là con đường thiết lập sự liên lạc giữa hai thế giới này, với quan niệm chết chưa phải là đã kết thúc, cái chết chỉ chấm dứt phần hoạt động của thể xác còn linh hồn người chết thì luôn hiện hữu và có liên quan với các thành viên trong gia đình. Chính vì thế ngoài việc lập bàn thờ để cúng lễ tổ tiên làm nơi trú ngụ cho linh hồn người chết đồng thời cũng cầu mong sự phù hộ bảo trợ của người chết cho con cháu. Trong việc thờ cúng tổ tiên, người dân có quan niệm “trần sao âm vậy”, theo đó mà nghi lễ và đồ lễ thờ cúng được chuẩn bị giống như các hình thức mô phỏng đồ dùng của

người sống. Bàn thờ được lập ở giữa nhà chính, nếu không có một nhà riêng để làm nhà thờ của gia đình. Bàn thờ truyền thống gồm hai lớp (lớp trong, lớp ngoài). Ngoài ra tùy thuộc mỗi gia đình bàn thờ tổ tiên còn được trang trí bằng các đồ vật khác như hoành phi, câu đối... Với người dân, thờ cúng tổ tiên không phải là một tôn giáo nhưng đây là một phong tục lâu đời, một nét đẹp văn hóa thể hiện lòng biết ơn của con cháu đối với ông bà, cha mẹ, tổ tiên. Việc thắp hương thờ cúng được tiến hành nhiều ngày trong năm : ngày sóc, vọng, ngày giỗ, ngày tết ... Tùy theo phong tục của từng địa phương, từng gia cảnh mà việc tổ chức giỗ có sự khác nhau. Nhớ đến ngày giỗ của ông bà tổ tiên là điều quan trọng, thể hiện lòng thành với vong linh tiên tổ chứ không căn cứ vào việc làm giỗ to hay nhỏ. Chỉ với chén nước, nén hương, bát cơm, quả trứng, đĩa muối mà tâm thành thì cũng giữ được đạo hiếu.

8.4. Tập tục kiêng kỵ khi đi biển: Người làm nghề biển có rất nhiều điều kiêng kỵ khi đi biển, có lẽ vì lý do sinh tử mà ngư dân rất tin vào các tục lệ đó. Chẳng hạn khi đã đánh bắt được nhiều cá thì dùng từ “*vừa*” không dùng từ “*thôi*”; những ngư dân được tôn vinh thì dân vạn chài phong là “*trùm*”; lúc ăn cá trên thuyền ngoài biển, ngư dân khi ăn hết mặt trên thân cá thì chỉ gỡ xương, không lật cá qua vì người ta sợ “*lật cá là lật thuyền*”, vào những ngày đầu năm mới, bạn thuyền thường kéo đến nhà chủ thuyền “*Xông đất*” đầu năm ... mục đích cuối cùng của việc kiêng cử là cầu mong những chuyến đi biển bình an vô sự, đầy ắp cá tôm...

8.5. Tập tục thờ cúng cá Ông: Không biết tự khi nào mà loài cá này trở thành vật linh trong lòng người dân đi biển. Sự tôn kính của dân vùng này dành cho “*cá Ông*” không chỉ trong tiềm thức mà còn bằng cả những hành động thực tế. Trong khi đánh bắt cá nếu lưới đang vẫy mà người ta phát hiện thấy trong mẻ cá đó có “*cá Ông*” dù nhỏ thì lập tức lưới được mở toang cho cả đàn cá đi. Nếu như có nhiều đến mấy thì cũng phải bỏ đi vì ai mà cố tình đánh cá lên thì hành động đó bị coi là xúc phạm ngài và sẽ bị trừng phạt. Có trường hợp do vô tình “*cá Ông*” bị bắt lên cùng với những loài cá khác, nếu “*cá Ông*” còn sống thì phải lập tức thả xuống. Còn nếu “*cá Ông*” đã chết thì đội thuyền đó phải nhanh chóng vào bờ và tiến hành tang lễ trang trọng theo trình tự như người chết. Đúng 3 năm người ta làm lễ quật mồ hốt cốt gọi là lễ “*thỉnh ngọc cốt*”, lấy xương cá rửa bằng rượu trắng sạch sẽ, xếp vào quách rồi đưa vào lăng để thờ cúng. Với ân đức của cá Ông nên các địa phương làng nghề đều xây dựng Lăng Ông (Đền thờ cá Ông) là cơ sở tín ngưỡng và là nơi diễn ra lễ hội hàng năm của ngư dân. Tùy theo địa phương, đền thờ cá Ông được gọi với các tên khác nhau : Dinh Ông, Lăng Ông hay Miếu Ông. Nhưng nhìn chung, về đặc điểm kiến trúc đền thờ (lăng) cá Ông có dáng dấp của một ngôi đình. Đền vừa có chức năng tín ngưỡng (nơi trú sở của thần linh) lại vừa có chức năng thể tục (nơi vui chơi, giải trí đãi khách trong ngày cúng lễ). Lăng được xây dựng gần bờ biển, quay mặt về hướng Đông (biển).

Việc thờ cá Ông được quan niệm như một cách đền ơn đáp nghĩa theo luật nhân quả. Cá Ông là thần hộ mạng của ngư dân giữa biển khơi đầy sóng gió hiểm nguy. Sự phù hộ độ trì của Ông còn giúp ngư dân được mùa đánh bắt, tôm cá đầy khoang, ra khơi vào lộng an toàn. Trong lễ cúng cá Ông, người ta dùng những bài văn tế ca ngợi công ơn và cầu mong sự phù hộ của cá Ông. Chính vì vậy Lễ Nghinh Ông là ngày hội lớn của ngư dân vùng ven biển.

PHẦN IV

BẢO TỒN, PHÁT HUY DI SẢN VĂN HOÁ TRONG THỜI KỲ MỚI

I. QUAN ĐIỂM:

1. Phần đầu xây dựng con người Sơn Trà trong thời kỳ mới có những tính cách cơ bản **“Năng động, sáng tạo, trung thực, mến khách”**, trên cơ sở kế thừa và phát huy các giá trị di sản văn hoá truyền thống, kết hợp với tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại.

2. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quận, cần xử lý tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, giữa bảo tồn di sản văn hoá truyền thống với quá trình đô thị hoá đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay; cần bảo vệ tốt cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo sự cân bằng sinh thái của môi trường sống, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sông, biển, không khí...; quan tâm đầu tư phát triển văn hoá, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của quận.

3. Cần có các biện pháp khôi phục, phát triển các loại hình văn hoá dân gian độc đáo, văn hoá làng nghề truyền thống, khai thác và chế biến nhiều món ăn mang đậm hương vị biển của Sơn Trà, phục vụ phát triển du lịch - dịch vụ trong tương lai.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể:

1.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá cho các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: nói chuyện chuyên đề; kể chuyện lịch sử, địa danh Sơn Trà xưa và nay, gương danh nhân, các anh hùng liệt sĩ tiêu biểu... thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc sinh hoạt của các tổ chức chính trị xã hội, của nhân dân tại các khu dân cư... Đưa vào giảng dạy trong nhà trường các chuyên đề về lịch sử văn hóa, nghệ thuật truyền thống của địa phương.

Tổ chức biên soạn và xuất bản hai tập tài liệu giới thiệu những đặc trưng văn hoá vật thể và phi vật thể trên địa bàn quận.

1.2. Ưu tiên cho việc trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá đặc biệt quan trọng trên địa bàn; khôi phục các lễ hội dân gian truyền thống; các loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian; các làng nghề truyền thống; các món ẩm thực dân gian... đang có nguy cơ mai một trong quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá. Vận động nhân dân cùng tham gia bảo vệ, tôn tạo các di tích, có kế hoạch phát huy hiệu quả trong việc giáo dục truyền thống cho nhân dân.

1.3. Lễ hội Cầu Ngư là một trong những sinh hoạt văn hoá mang đậm yếu tố tâm linh của ngư dân vùng biển. Lễ hội Cầu Ngư ở phường Mân Thái có từ thời Cảnh Hưng (1740 - 1786), nhưng đến thời Gia Long mới phát triển và được duy trì cho đến ngày nay, được nhân dân làng nghề Mân Thái tổ chức vào ngày 26 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Ở Mân Quang, Thọ Quang lại tổ chức vào ngày 12/2 âm lịch, sau điều chỉnh dần sang đầu tháng 4 dương lịch hàng năm nhân kỷ niệm ngày Bác Hồ về thăm làng cá. Mỗi địa phương tổ chức lễ hội theo cách riêng của mình và với thời gian khác nhau,

chưa thể hiện rõ nét những đặc thù riêng của lễ hội, chưa thu hút được đông đảo nhân dân tham gia.

Để Lễ hội cầu ngư được tổ chức một cách quy mô, mang đậm nét văn hoá đặc trưng của ngư dân vùng biển, đồng thời thu hút đông đảo nhân dân địa phương cùng du khách tham gia, việc tổ chức Lễ hội cầu ngư bắt đầu từ năm 2009 trở đi sẽ được tổ chức theo quy mô cấp quận vào ngày 26 tháng Giêng âm lịch hàng năm.

1.4. Chuyện tình Tiên Sa là câu chuyện tình rất đẹp và lãng mạn, được truyền miệng từ đời này sang đời khác, vẫn tồn tại mãi mãi với thời gian. Nhằm xây dựng bản sắc riêng của vùng biển Sơn Trà, Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà sẽ hoàn chỉnh và phát hành tập sách về truyền thuyết Tiên Sa và dàn dựng chương trình sân khấu hoá tái hiện truyền thuyết Tiên Sa, đồng thời đầu tư xây dựng khu du lịch Tiên Sa với các nội dung liên quan đến truyền thuyết.

1.5. Đình làng được xem là một di tích văn hoá - lịch sử của mỗi địa phương, là nơi tổ chức sinh hoạt cộng đồng, tuyên truyền rộng rãi ngày hội làng truyền thống trong nhân dân. Trong các ngày lễ, ngày Hội làng, các loại hình nghệ thuật dân gian như: Hát Tuồng, hát Bội, hát hò khoan đối đáp ... thường xuyên được tổ chức và thu hút nhân dân hưởng ứng. Tiếp tục phát huy nét văn hoá của ngày hội làng, tạo không khí phấn khởi, sôi nổi, cần duy trì tổ chức các hoạt động trên, phấn đấu đến năm 2010 trên 80% người dân Sơn Trà biết được các loại hình nghệ thuật này.

1.6. Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, kêu gọi đầu tư vào các công trình văn hoá trọng điểm, chủ động xây dựng quy chế phối hợp với Sở Du lịch, Sở Thương mại nhằm giới thiệu, quảng bá những nét văn hoá mang đặc trưng vùng biển Sơn Trà.

2. Khôi phục và phát triển văn hoá làng nghề biển:

2.1. Tiếp tục xây dựng ngành thuỷ sản thành một trong những ngành kinh tế quan trọng, ngành sản xuất hàng hoá có hiệu quả và cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu, tạo đà cho các ngành thương mại, dịch vụ phát triển. Để thực hiện tốt nội dung này, cần quy hoạch khu liên hợp làng nghề cá, không nên chạy theo đô thị hoá mà phá vỡ kiến trúc của một làng nghề, làm sao cho sản phẩm của địa phương không chỉ phục vụ cho khách du lịch tại chỗ mà có thể mở rộng thị trường. Nghiên cứu, đề xuất thành phố bố trí mặt bằng, mặt nước và khuyến khích nhân dân đầu tư nuôi trồng các loại thuỷ sản thích hợp, phục vụ du lịch, góp phần phát triển thuỷ sản theo hướng khai thác triệt để thế mạnh, tiềm năng kinh tế biển, đi đôi với phát triển và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, bảo vệ môi trường.

2.2. Có kế hoạch giúp đỡ nhân dân vay vốn đóng mới đội tàu có công suất lớn, đồng thời vận động nhân dân đầu tư sửa chữa, nâng cấp tàu thuyền, trang bị đồng bộ các thiết bị hiện đại, bảo quản chế biến tốt sản phẩm, gắn với đào tạo đội ngũ thuyền viên lành nghề, dự báo ngư trường để khai thác đạt năng suất, nâng cao thu nhập cho ngư dân, đồng thời thu hút, giải quyết được một phần lớn lao động.

2.3. Người dân vùng biển Sơn Trà có truyền thống tương thân tương ái, thương yêu nhau. Đặc biệt, trong những chuyến ra khơi khai thác thuỷ sản, việc giúp đỡ, bảo vệ nhau lúc gặp khó khăn, hoạn nạn càng thể hiện rõ hơn, vì vậy việc thành lập các đội tàu

văn hoá là hết sức quan trọng và cần thiết, nhằm tăng cường sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, cùng tăng năng suất và chất lượng đánh bắt hải sản.

2.4. Ứng dụng công nghệ phát triển các giống rau, hoa cao cấp khác, có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện kinh tế của quận, tiến đến hình thành các làng hoa, cây cảnh gắn với hoạt động du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường, cảnh quang thiên nhiên thu hút du khách đến lưu trú tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên của cỏ cây, hoa lá, tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo. Tạo điều kiện cho các cơ sở doanh nghiệp hoạt động các ngành nghề truyền thống có lợi thế cạnh tranh của quận quảng bá sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước.

2.5. Để góp phần thu hút khách du lịch đến với Sơn Trà, việc duy trì và phát triển các món ăn đặc trưng vùng biển cũng rất quan trọng, cần có sự hướng dẫn các nhà hàng, khách sạn bổ sung vào thực đơn các món truyền thống như: cá chia vôi nướng, tôm xóc tỏi, mực hấp gừng, nghêu nướng - hấp, sò huyết nướng - hấp, ốc xào xả ớt, lẩu tươi sống...

3. Xây dựng văn hoá vùng biển Sơn Trà hoà quyện với nếp sống văn hoá văn minh đô thị:

3.1. Phát huy tinh thần tự học nâng cao trình độ văn hoá, ngoại ngữ, tin học; tăng cường công tác tuyên truyền nhằm giáo dục về tư tưởng, đạo đức, lối sống và thẩm mỹ, từng bước hình thành các quy tắc ứng xử mang tính văn hoá - văn minh đô thị trong nếp ăn, ở, trang phục, đi lại, giải trí, học tập, lao động, sinh hoạt, hội họp, giao tiếp và trong các quan hệ xã hội khác. Đến năm 2010 quận thành lập 01 đội tuyên truyền văn hoá biển và 01 đội phục vụ du lịch văn hoá tình nguyện (mỗi đội ít nhất 30 thành viên), lồng ghép với việc tuyên truyền nếp sống văn hoá văn minh đô thị, tuyên truyền để mọi người thực hiện nghiêm túc các qui định về quản lý, bảo vệ tài nguyên môi trường, nghiêm cấm tổ chức các hoạt động xâm hại đến tài nguyên du lịch, cảnh quan môi trường, điếm tham quan du lịch; tuyên truyền, hướng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật Việt Nam, qui định nếp sống văn hoá văn minh du lịch, nội qui, qui chế nơi đến tham quan, tôn trọng phong tục tập quán của người Việt Nam. Tại các điếm tham quan du lịch, các loại hàng hoá, dịch vụ phải bán đúng giá, đúng định lượng, đúng nơi qui định, không bắt chẹt khách, không lừa đảo, môi giới, thu lợi bất chính; không tổ chức hành nghề mê tín dị đoan, phát tán các thông tin, ấn phẩm cấm lưu hành. Đến năm 2010, toàn tuyên biển trên địa bàn quận thực hiện nếp sống văn minh đô thị, bãi biển văn hoá, vệ sinh môi trường.

3.2. Để văn hoá vùng biển hoà quyện với văn hoá văn minh đô thị, cần chú trọng tập trung xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh trong từng gia đình, hoàn thiện nhân cách của các thành viên trong gia đình và hình thành nếp sống văn hoá - văn minh trong xã hội, xoá tư tưởng sống tạm bợ, mê tín. Tiếp tục giữ gìn, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống quý báu của gia đình, của nhân dân vùng biển Sơn Trà như: sự chung thủy giữa vợ và chồng; lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ; sự tôn kính, biết ơn tổ tiên, sống có nghĩa, có tình với anh em, họ hàng, làng xóm... Đồng thời, tiếp thu và thể hiện những tư tưởng tiên bộ: tôn trọng, thực hiện quyền bình đẳng giới, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, chăm sóc người tàn tật.

Xây dựng ý thức tôn trọng kỷ cương pháp luật, giữ gìn an ninh trật tự, trật tự giao thông, trật tự đô thị, vệ sinh nơi công cộng, bảo vệ môi trường sinh thái biển, các ứng xử trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt lễ hội, trong hội họp, trong thi hành công vụ... Phân đấu đến năm 2010, tất cả các chung cư trên địa bàn quận (trong đó đa số nhân dân làm nghề biển sinh sống) đều đạt “Chung cư văn hoá”.

3.3. Tập trung xây dựng các hành vi ứng xử văn hoá - văn minh, làm cho mọi người sống trong cộng đồng dân cư có nếp sống tôn trọng luật pháp, tôn trọng quy định, quy ước của cộng đồng. Chống các hành vi thiếu văn hoá, vi phạm nếp sống văn hoá văn minh. Xây dựng nhà truyền thống lịch sử, văn hoá của quận.

3.4. Phát huy các nguồn lực xã hội. Tăng cường công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nhân dân trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá, lịch sử. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tầng lớp xã hội đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá, các tụ điểm sinh hoạt văn hoá. Tăng cường đầu tư từ nguồn ngân sách của thành phố và của quận cho các chương trình mục tiêu phát triển Kinh tế - Văn hoá - Xã hội, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế biển theo hướng đón đầu xu thế hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế du lịch với các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hoá...

3.5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, sự phối hợp của các ngành các cấp trong việc bảo tồn và phát triển văn hoá của quận. Xây dựng các nội dung, tiêu chí có liên quan đến việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá, đặc biệt chú trọng tới những đặc trưng văn hoá biển để xây dựng tiêu chuẩn của lối sống văn minh đô thị; xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh đô thị.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Văn hoá - Thể thao quận:

Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai Đề án và thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công; tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận phân kỳ thực hiện các nội dung của Đề án trong từng giai đoạn cụ thể.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động trực quan; có kế hoạch quảng bá các sản phẩm phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn dân cư. Tổ chức các cuộc hội diễn, hội thi và vận động sáng tác các sản phẩm nghệ thuật : thơ ca, hò vè, tranh cổ động... nhằm tạo khí thế sôi nổi, phấn khởi trên khắp địa bàn, nhằm thu hút khách du lịch đến tham quan, lưu trú, tranh thủ sự đầu tư của các doanh nghiệp.

Hoàn chỉnh và trình UBND quận phát hành các tập tài liệu về Văn hoá vật thể, Văn hoá phi vật thể, Truyền thuyết Tiên Sa; nghiên cứu xây dựng thử nghiệm chương trình sân khấu hoá tái hiện Truyền thuyết Tiên Sa, đồng thời phối hợp với các ngành tham mưu UBND quận phục dựng các địa điểm liên quan đến Truyền thuyết để phục vụ khách tham quan, du lịch.

2. Phòng Quản lý đô thị và phòng Tài nguyên - Môi trường quận:

Tích cực phối hợp với các ngành chức năng hoàn thiện các công trình giao thông trên địa bàn, chú trọng việc thiết kế, xây dựng phải đảm bảo giao thông đúng luật, an toàn, lắp đặt các biển báo giao thông trên các tuyến đường mới chỉnh trang, xây dựng. Phối hợp với các phòng, ban, ngành, địa phương liên quan rà soát và có kế hoạch tham mưu đề xuất đầu tư, trang bị các thiết bị cần thiết ở các khu vực công cộng do ngành quản lý. Kiểm tra và rà soát các khu chung cư, nơi vui chơi giải trí, công viên, các khu vực công cộng ở đô thị để đề xuất việc hoàn thiện theo các tiêu chuẩn quy hoạch và kiến trúc. Thường xuyên tổ chức các đợt ra quân vệ sinh môi trường, làm sạch bãi biển, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

3. Phòng Kinh tế quận:

Xây dựng kế hoạch và phối hợp với UBND các phường thành lập các đội tàu văn hoá, số lượng tuỳ vào tình hình cụ thể của từng địa phương; phối hợp với ngành Văn hoá - Thể thao, Trung tâm Y tế và một số ngành liên quan tổ chức tập huấn các nội dung cơ bản, phù hợp, nhằm phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái của ngư dân vùng biển, đồng thời xây dựng lối ứng xử văn hoá trong hoạt động của mình.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phát triển các giống rau, hoa cao cấp có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện kinh tế của quận; tham mưu cho UBND quận đề xuất UBND thành phố bố trí đất để hình thành các làng hoa, cây kiểng, khu du lịch sinh thái và bố trí mặt bằng, mặt nước khuyến khích nhân dân đầu tư nuôi trồng các loại thủy sản thích hợp, phục vụ nhu cầu tiêu dùng và du lịch.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận:

Chủ trì phối hợp với Quận Đoàn và các trường học trên địa bàn quận tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho học sinh, sinh viên từng cấp học (bao gồm các khối phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng...) về lịch sử văn hóa, nghệ thuật truyền thống của địa phương, xây dựng nếp sống văn hoá văn minh đô thị, lồng ghép vào các giờ học lịch sử, giáo dục công dân, các bộ môn liên quan và sinh hoạt ngoại khoá.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận:

Phối hợp với cơ quan thường trực và ban, ngành liên quan xem xét, đề xuất việc bố trí kinh phí và quản lý, thanh quyết toán nguồn kinh phí dành cho việc triển khai thực hiện Đề án. Tham mưu, đề xuất nguồn kinh phí theo từng giai đoạn cụ thể để thực hiện Đề án đạt kết quả.

6. Công an quận:

Phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban ngành và các phường xây dựng kế hoạch tổ chức lực lượng quản lý trật tự đô thị và kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện xử lý hành chính các hành vi vi phạm theo thẩm quyền, đồng thời phối hợp với phòng Quản lý đô thị xây dựng kế hoạch và triển khai sắp xếp lại trật tự vỉa hè, lòng đường, trật tự nơi công cộng theo định hướng văn hoá - văn minh đô thị tạo niềm tin cho du khách yên tâm khi đến tham quan, du lịch.

7. Đài Truyền thanh quận:

Xây dựng các chuyên mục, các tin, bài..., thường xuyên tuyên truyền về những giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể của vùng biển Sơn Trà; kịp thời phát hiện, nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt trong việc xây dựng, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống của địa phương; xây dựng cách ứng xử văn hoá, nếp sống văn minh.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam quận và đoàn thể chính trị - xã hội:

Có biện pháp lồng ghép triển khai thực hiện Đề án trong hệ thống tổ chức của mình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá cho các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Thông qua các phong trào thi đua, tổ chức cho quần chúng ra quân thực hiện các nhiệm vụ tại cộng đồng, nhằm nâng cao hiệu quả của việc vận động xây dựng nếp sống văn hoá văn minh đô thị. Thành lập đội thanh niên phục vụ du lịch văn hoá biển. Khai thác giá trị của các di sản văn hóa phục vụ công tác giáo dục truyền thống, góp phần thiết thực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, làm tăng vẻ đẹp và sức hấp dẫn của Sơn Trà.

9. Ủy ban nhân dân các phường:

Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án tại địa phương; tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng dân cư hiểu biết về những giá trị văn hoá truyền thống của địa phương; có kế hoạch trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá đặc biệt quan trọng trên địa bàn; khôi phục lại các lễ hội dân gian truyền thống, các loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian, các làng nghề truyền thống, các món ẩm thực dân gian. . . vận động nhân dân cùng tham gia bảo vệ, tôn tạo các di tích, duy trì việc tổ chức các lễ hội truyền thống và phát triển các làng nghề lâu đời của địa phương.

10. Các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể quận và UBND các phường trên cơ sở nội dung của Đề án “Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá vùng biển quận Sơn Trà” xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án (qua phòng Văn hoá - Thể thao quận) để tổng hợp báo cáo UBND quận.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá vùng biển quận Sơn Trà” nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh mới, đề nghị các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể quận và Ủy ban nhân dân các phường phản ánh về Ủy ban nhân dân quận (qua phòng Văn hoá - Thể thao quận) để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Công Hồ